

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 02-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Đơi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Lý Văn T, sinh năm 1998 tại ấp TĐB, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau; nơi ĐKNKTT: Ấp TĐB, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn M (chết) và bà Thạch Thị K; anh chị em ruột: 03 người; vợ: Hồ Thị K; con: 03 người con; nhân thân: Không tốt. Năm 2016, Lý Văn T bị Công an xã TT xử phạt 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp xong; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020, bị tạm giữ ngày 25/9/2020 đến ngày 04/10/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Võ Giang N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị cáo thứ hai: Thạch Văn G, sinh năm 2004 tại ấp TĐB, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau; nơi ĐKNKTT: Ấp ĐB, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Văn U và bà Thạch Thị H; anh chị em ruột: 02 người; vợ, con: Không có; nhân thân: Tốt. tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020, bị tạm giữ ngày 25/9/2020 đến ngày 04/10/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Giàu:

1. Ông Thạch Văn U, sinh năm 1969 (có mặt)

2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp TĐB, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người bào chữa cho bị cáo Giàu:

1. Ông Kim Chan ĐR – Luật sư của công ty luật TNHH LS thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Ông Trần Hoàng H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp A, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Thạch Văn U, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp TĐB, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 22/9/2020, Lý Văn T, Thạch Văn G và Lâm Vũ H cùng ngụ ấp TĐB, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau tổ chức uống rượu tại nhà Tới. Sau đó, T rủ G và H đi bộ đến nhà ông Trương Đăng H ở ấp CN, xã TT nhậu tiếp nhưng do ông H không có rượu nên tất cả đi về. Trên đường, T rủ G và H đi lên thị trấn ĐD nhậu thì tất cả đồng ý. Khi đến nhà của H, H đi ngủ do sai rượu, T và G đi. G điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 61F1-03626 chở T. Khi đang đi trên đường lộ bê tông Nông Trường, đoạn cách UBND xã TT khoảng 03km thì phát hiện anh Nguyễn Chí C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 69F5-1634 đi phía sau, trên xe của anh C có chở nhiều vật dụng như: Thùng xốp, cal nhựa, cặp nhựa, khung sắt tự chế, máy oxi, loa, Tới đưa tay ra hiệu cho anh C chạy lên phía trước, G điều khiển xe chạy theo phía sau. Đi được một đoạn, T hỏi anh C đường đi lên thị trấn ĐD, anh C nói anh cũng đi ngang thị trấn ĐD, kêu G và T cứ chạy theo sau. Khi đến đoạn lộ nhựa (lộ ĐD – QPB), anh C chỉ đường đi lên thị trấn ĐD cho G và T, anh C vẫn điều khiển xe đi về hướng thị trấn ĐD, G và T vẫn tiếp tục điều khiển xe chạy theo phía sau. Lúc này, T nảy sinh ý định chặn xe để xin tiền anh C nên nói cho G biết, G không nói gì và tiếp tục điều khiển xe chạy theo anh C. Khi đến đoạn lộ nhựa gần dốc cầu BV thuộc ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD, T kêu G tăng tốc vượt qua xe của anh C, anh C dừng xe lại thì Tới cầm mũ bảo hiểm bước xuống xe kêu anh C đưa tiền, anh C nói không có tiền và định điều khiển xe chạy đi, T dùng chân đạp vào xe của anh C làm anh C và xe ngã xuống đường, Tới cầm mũ bảo hiểm đánh liên tiếp khoảng ba cái vào vùng vai của anh C nhưng không gây thương tích để buộc anh C đưa tiền, anh C vùng dậy bỏ chạy. Sau đó, T kêu G đỡ tiếp xe của anh C lên rồi T lên xe điều khiển, còn G điều khiển xe của G đến nhà ông Thạch U (ông ngoại của T) mượn một cây dao để cắt dây buộc các đồ vật trên xe của anh C, G dùng tay bẻ gãy biển kiểm soát xe của anh C rồi cả hai

ném tất cả xuống sông trước nhà ông U. T tiếp tục điều khiển xe của anh C, G điều khiển xe của G đi về nhà của bà Nguyễn Thị T (bà ngoại của T) gửi chiếc xe vừa cướp được của anh C. Sau đó, G chở T đi gặp anh Dương Quốc H nhờ tìm chỗ bán chiếc xe trên nhưng anh H không đồng ý nên cả hai về nhà ông U ngủ. Đến sáng ngày 23/9/2020 cả hai tự về nhà.

Đối với anh C sau khi bỏ chạy đến trình báo Công an xã TD, huyện ĐD. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐD kết hợp Công an xã TD truy tìm và thu giữ được chiếc xe của anh C tại nhà bà T và một số vật dụng trên xe của anh C mà T và G đã ném xuống sông.

Theo kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 21/10/2020 và số 31/KL-ĐGTS ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm Dơi, kết luận tài sản hai bị cáo chiếm đoạt có giá trị như sau:

01 chiếc xe hiệu Yamaha, số loại Sirius giá 3.000.000đ;

03 cal nhựa màu trắng (loại 301) còn 45% giá trị = 60.000đ;

01 khung sắt tự chế kích thước 40cm x 50cm x 60cm, loại thép hộp 30cm x 30cm, còn 30% giá trị = 135.000đ;

01 thùng xốp kích thước 28cm x 36cm x 49cm (loại đựng ½ cây nước đá), còn 100% giá trị = 30.000đ;

01 loa màu đỏ (không rõ nhãn hiệu, do Trung Quốc sản xuất), còn 70% giá trị = 196.000đ

01 máy bơm oxi màu xanh (không rõ nhãn hiệu), còn 80% giá trị = 40.000đ;

02 giỏ xách (cặp) nhựa màu xanh kích thước 50cm x 40cm x 50cm, còn 30% giá trị = 90.000đ;

Tổng giá trị 3.551.000đ.

Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 5189/C09B ngày 06/10/2020 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tuổi của Thạch Văn G như sau: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 10 năm 2020), Thạch Văn G có độ tuổi từ 16 năm 03 tháng đến 16 năm 09 tháng.

Vật chứng thu giữ gồm có:

01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, không có biển kiểm soát; 01 cal nhựa màu trắng (loại 301); 01 khung sắt tự chế; 01 cái thùng xốp. Đã trả cho anh Nguyễn Chí Cương.

01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 61F1-03626; 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 miếng nhựa (giống vành mũ bảo hiểm).

Từ những tình tiết nêu trên, Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo Lý Văn T và Thạch Văn G về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng

khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lý Văn T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Thạch Văn G từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: Anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Trả lại cho bị cáo T 250.000đ và bị cáo G 250.000đ. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự. Trả cho anh Thạch Văn U 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 61F1-03626. Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 miếng nhựa (giống vành mũ bảo hiểm).

Ông Võ Giang N thống nhất đề nghị đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo T và đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: Do anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Hoàng H thống nhất đề nghị đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo G và đề nghị áp mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung liên kề. Về trách nhiệm dân sự: Do anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Luận cứ bào chữa, ông Kim Chan ĐR đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo G với mức hình phạt thấp nhất so với mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: Do anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Lý Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và đã ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Thạch Văn G nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và đã ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo G hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đàm Dơi đã truy tố. Xét thấy: Lời thừa nhận của hai bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 22/9/2020 tại dốc cầu BV thuộc ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C từ trước nên bị cáo T kêu bị cáo G tăng tốc vượt qua xe của anh C, anh C dừng xe lại thì T cầm mũ bảo hiểm bước xuống xe kêu anh C đưa tiền, anh C nói không có tiền và định điều khiển xe chạy đi, T dùng chân đạp vào xe của anh C làm anh C và xe ngã xuống đường, T cầm mũ bảo hiểm đánh liên tiếp khoảng ba cái vào vùng vai của anh C nhưng không gây thương tích để buộc anh C đưa tiền, anh C vùng dậy bỏ chạy. Sau khi anh C bỏ chạy, bị cáo T điều khiển xe của anh C đi nơi khác cất giấu.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 21/10/2020 và số 31/KL-ĐGTS ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đàm Dơi, kết luận tài sản bị hai bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 3.551.000đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”

Do đó, Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 30/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố bị cáo Lý Văn T và bị cáo Thạch Văn G về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của hai bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hai bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, hai bị cáo đã lợi dụng đêm khuya, vắng người để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, hành vi của hai bị cáo gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm để răn đe cũng như cải tạo hai bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hai bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với bị cáo T có hành vi xúi giục bị cáo G là người chưa thành niên phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân không tốt đã bị Công an xã TT xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo G phạm tội trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

[6] Đối với đề nghị áp dụng điểm h và điểm i của người bào chữa cho hai bị cáo, xét thấy không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị T đã có hành vi cho bị cáo T và bị cáo G gửi chiếc xe đã chiếm đoạt của anh C nhưng bà T không biết đây là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có nên không đặt ra xử lý đối với bà T là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh C không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Trong quá trình thụ lý vụ án, bị cáo T và bị cáo G mỗi người đã nộp khắc phục hậu quả 250.000đ cho anh C nhưng do anh C không yêu cầu hai bị cáo bồi thường thêm và hai bị cáo có nguyện vọng nhận lại số tiền trên nên cần trả lại cho hai bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, không có biển kiểm soát; 01 cal nhựa màu trắng (loại 301); 01 khung sắt tự chế; 01 cái thùng xốp. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh C là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 61F1-03626 là của anh Thạch Văn U, anh U không biết hai bị cáo sử dụng chiếc xe của anh để phạm tội nên cần trả lại cho anh U.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 miếng nhựa (giống vành mũ bảo hiểm) là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm 0 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn Tới và khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thạch Văn Giàu.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn T và Thạch Văn G phạm tội “cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo Lý Văn T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2020.

- Phạt bị cáo Thạch Văn G 01(một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trả lại cho bị cáo Lý Văn T và bị cáo Thạch Văn G mỗi bị cáo 250.000đ đã nộp tại các biên lai thu số 0009983, 0009981 cùng ngày 02/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Thạch Văn U 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 61F1-03626.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đen và 01 miếng nhựa (giống vành mũ bảo hiểm).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lý Văn T và bị cáo Thạch Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông U và bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng